

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-10-2019

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Hữu Tiếp**.

2. Bà **Nguyễn Thị Vân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Ngô Quốc K**, sinh năm 1994. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Đặng Thị Mỹ P**, sinh năm 1994. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Ngô Quốc K trình bày:* Do quen biết trước anh Trần Ngô Quốc K và chị Đặng Thị Mỹ P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 8 năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay anh K yêu cầu xin được ly hôn với chị P, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Trước đây anh K có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nữ trang cưới. Nay anh K xin rút lại yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Đặng Thị Mỹ P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày thể hiện trong hồ sơ như sau:* Về quan hệ hôn nhân chị P và anh K được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống không hòa hợp với nhau nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K. Về tài sản chung: số vàng là nữ trang cho trong ngày cưới theo chị P số vàng này trong thời gian sống chung với anh K, chị và anh K ở trọ để đi làm, chi tiêu sinh hoạt tiền bạc thiếu hụt, chị P đã bán hết số vàng để sinh sống nên không còn để chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn chị Đặng Thị Mỹ P. Xét thấy, bị đơn chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu xin được ly hôn với chị Đặng Thị Mỹ P. Xét thấy, do quen biết trước anh Trần Ngô Quốc K và chị Đặng Thị Mỹ P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 8 năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh K vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với chị P, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía chị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K. Tuy nhiên, do quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị P được xác lập vào năm 1998 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Ngô Quốc K và chị Đặng Thị Mỹ P.

[4] Về con chung: Theo anh K khai không có, còn chị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng bản ý kiến thể hiện trong hồ sơ không ghi rõ có con chung hay không nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay anh K xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu giải quyết. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn anh K là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Trần Ngô Quốc K về việc tranh chấp chia tài sản chung. Anh Trần Ngô Quốc K có quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Anh K không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Về án phí: Anh Trần Ngô Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Ngô Quốc K và chị Đặng Thị Mỹ P.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Trần Ngô Quốc K về việc tranh chấp chia tài sản chung.

Anh Trần Ngô Quốc K có quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

2. Về án phí: Buộc Trần Ngô Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp theo biên lai thu số 0002485 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên anh K đã nộp xong án phí. Hoàn lại cho anh Trần Ngô Quốc K 616.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002486 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Ngô Quốc K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Đặng Thị Mỹ P thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Tân Phong, xã Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn